



CÔNG TY CỔ PHẦN
MASAN HIGH-TECH MATERIALS

Số: 0124/CV-MHT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần chế tạo Biến thể và vật liệu điện Hà Nội thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 04/năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: MSR
- Địa chỉ: Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ/Tel: (84 28) 6256 3862 Fax: 02838274115
- Email:..... Website: <https://masanhightechmaterials.com/vi/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Quý 4/năm 2024
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 24/01/2025 tại đường dẫn:

https://masanhightechmaterials.com/vi/investor_category/thong-tin-tai-chinh/

Tài liệu đính kèm:

- BCTC
- Văn bản giải trình



PHẠM NGUYỄN HẢI
Trưởng phòng Pháp chế

Ngày 24 tháng 1 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials xin gửi tới Quý Cơ quan lời chào trân trọng.

Theo quy định tại điểm a và b, khoản 4, Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“Thông tư 96”), Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (sau đây gọi là “Công ty” hay “MHT”) xin giải trình về chênh lệch lỗ sau thuế của Quý 4/2024 thay đổi trên 10% so với báo cáo cùng kỳ năm trước như sau:

1. Trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”):

Giải trình về chênh lệch thay đổi 10% so với báo cáo cùng kỳ năm trước, và lý do lỗ cho năm nay:

Lỗ sau thuế Quý 4/2024 của Tập đoàn là 206 tỷ VND, lỗ ít hơn 623 tỷ VND so với lỗ sau thuế 830 tỷ VND của cùng kỳ năm trước chủ yếu đến từ các lý do chính sau:

- Lợi nhuận gộp của Quý 4/2024 tăng 765 tỷ VND so với cùng kỳ năm trước do giá bán của Vonfram, Fluorspar và Đồng cao hơn so với năm trước;
- Từ chủ trương tiết giảm và kiểm soát chặt chẽ chi phí giúp Tập đoàn tiết kiệm 8 tỷ VND chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp trong Quý 4/2024 so với cùng kỳ năm trước;

Các biến động tăng từ doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ đã được bù trừ với phát sinh tăng của chi phí thuế và một số chi phí khác trong Quý 4/2024 từ việc Tập đoàn ưu tiên chiến lược tiết kiệm chi phí, đồng thời giảm thiểu các hoạt động kinh doanh không có lợi nhuận trong trung hạn.



2. Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty:

Giải trình về chênh lệch thay đổi 10% so với báo cáo cùng kỳ năm trước, và lý do chuyển từ lỗ kỳ trước thành lãi trong cùng kỳ năm nay:

Lãi sau thuế trong Quý 4/2024 của Công ty là 281 triệu VND, tăng 554 triệu VND so với lỗ sau thuế 273 triệu VND cùng kỳ năm trước, chủ yếu do chi phí tài chính thuần giảm.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials xin giải trình để Quý Cơ quan rõ.

Xin trân trọng cảm ơn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN
HIGH-TECH MATERIALS
TỔNG GIÁM ĐỐC**



ASHLEY JAMES MCALEESE



Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0309966889

ngày 27 tháng 4 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 1 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Phó Chủ tịch thứ nhất, thành viên không điều hành
Ông Craig Richard Bradshaw	Thành viên điều hành (đến ngày 30/12/2024)
Ông Ashley James McAleese	Thành viên điều hành (từ ngày 30/12/2024)
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên độc lập
Ông Tadakazu Ohashi	Thành viên không điều hành (đến ngày 15/7/2024)

Ban Giám đốc

Ông Craig Richard Bradshaw	Tổng Giám đốc (đến ngày 31/12/2024)
Ông Ashley James McAleese	Thành viên điều hành (từ ngày 1/1/2025)
Ông Hady Seyeda	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Lê Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Tuấn	Giám đốc tài chính

Ủy ban Kiểm toán

Bà Nguyễn Thu Hiền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 Nghìn VND	1/1/2024 Nghìn VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 150)	100		43.896.742	80.772.867
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.701.798	1.709.356
Tiền	111		4.701.798	1.709.356
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.224.532	74.306.617
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.238.716	10.951.675
Phải thu ngắn hạn khác	136	5	19.985.816	63.354.942
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.970.412	4.756.894
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.970.412	4.756.894
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		13.681.535.293	15.195.104.988
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.525.058.904	3.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	6	1.500.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	5	25.058.904	3.000.000.000
Tài sản cố định	220		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		137.950	137.950
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(137.950)	(137.950)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	38.628.599
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	7	-	38.628.599
Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.156.476.389	12.156.476.389
Đầu tư vào một công ty con	251	8	12.156.476.389	12.156.476.389
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		13.725.432.035	15.275.877.855

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials


Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 Nghìn VND	1/1/2024 Nghìn VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.566.283.998	3.117.172.705
Nợ ngắn hạn	310		66.283.998	1.617.172.705
Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.676.847	2.464.030
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		78.944	125.030
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	9	26.233.147	61.376.800
Phải trả ngắn hạn khác	319	10	24.495.060	27.006.845
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	11(a)	12.800.000	1.526.200.000
Nợ dài hạn	330		1.500.000.000	1.500.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn	338	11(b)	1.500.000.000	1.500.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		12.159.148.037	12.158.705.150
Vốn chủ sở hữu	410	12	12.159.148.037	12.158.705.150
Vốn cổ phần	411	13	10.991.554.200	10.991.554.200
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		10.991.554.200	10.991.554.200
Thặng dư vốn cổ phần	412	13	1.098.259.892	1.098.259.892
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		69.333.945	68.891.058
- <i>LNST chưa phân phối đến cuối năm trước</i>	421a		68.891.058	68.532.037
- <i>LNST chưa phân phối trong kỳ</i>	421b		442.887	359.021
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		13.725.432.035	15.275.877.855

Ngày 24 tháng 1 năm 2025

Người lập: 


Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:


Nguyễn Huy Tuấn
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Ashley James McAleese
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/10/2024 đến 31/12/2024 Nghìn VND	Từ 1/10/2023 đến 31/12/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 Nghìn VND	Từ 1/1/2023 đến 31/12/2023 Nghìn VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	41.733.407	77.106.490	245.564.883	328.491.426
Chi phí tài chính	22	15	40.461.661	79.149.621	240.976.620	317.305.817
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>39.985.306</i>	<i>79.374.197</i>	<i>240.203.591</i>	<i>317.053.397</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		911.442	(1.702.342)	4.023.369	10.761.940
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 - 22 - 26)	30		360.304	(340.789)	564.894	423.669
Chi phí khác	32		-	-	2.145	1.190
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		-	-	(2.145)	(1.190)
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		360.304	(340.789)	562.749	422.479
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		78.944	(68.158)	119.862	63.458
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		281.360	(272.631)	442.887	359.021

Ngày 24 tháng 1 năm 2025

Người lập: 



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:


Nguyễn Huy Tuấn
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:


Ashley James McAleese
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 Nghìn VND	Từ 1/1/2023 đến 31/12/2023 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		562.749	422.479
Điều chỉnh cho các khoản				
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(245.434.562)	(328.410.966)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06		240.863.927	317.143.487
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(4.007.886)	(10.845.000)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		28.329.471	(18.871.353)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(2.539.964)	8.284.411
			21.781.621	(21.431.942)
Tiền lãi vay đã trả	14		(276.826.716)	(312.647.620)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(55.652)	(247.887)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(255.100.747)	(334.327.449)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		-	(13.513.109)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.500.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		271.493.189	343.397.559
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.771.493.189	329.884.450


Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 Nghìn VND	Từ 1/1/2023 đến 31/12/2023 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu	33		512.800.000	1.505.000.000
Tiền trả nợ gốc vay và trái phiếu	34		(2.026.200.000)	(1.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.513.400.000)	5.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		2.992.442	557.001
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		1.709.356	1.152.355
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4	4.701.798	1.709.356

Ngày 24 tháng 1 năm 2025

Người lập: 

Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:


Nguyễn Huy Tuấn
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:


Ashley James McAleese
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Công ty

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (“Công ty” hoặc “MHT”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Toàn bộ các số liệu được làm tròn đến hàng nghìn (Nghìn VND), trừ khi được trình bày khác.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và bán chuyển khoản đối với nợ phải trả, của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng được ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(g) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(h) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Công ty hạch toán mỗi HĐHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong hợp đồng. Trường hợp Công ty góp vốn dưới hình thức tài sản tài chính cho các bên khác và do đó tiếp nhận một quyền hợp đồng (được nhận tiền hoặc tài sản tài chính khác) từ các bên khác này theo HĐHTKD, Công ty sẽ ghi nhận tài sản tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận từ các bên khác của HĐHTKD có bản chất là thu nhập tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là thu nhập tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD và được ghi nhận là thu nhập khi kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(i) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(j) Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được trình bày là vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay, lợi nhuận được chia từ HĐHTKD và công ty con, lãi chênh lệch tỷ giá và doanh thu hoạt động tài chính khác.

Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dồn tích.

Thu nhập từ lợi nhuận được chia từ HĐHTKD có bản chất là thu nhập tài chính, các khoản này được ghi nhận trong kỳ trên cơ sở dồn tích dựa trên tỷ lệ lợi nhuận và kết quả kinh doanh của HĐHTKD theo thỏa thuận của các bên tham gia.

Thu nhập từ lợi nhuận được chia từ công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được xác lập. Lợi nhuận nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, phí thu xếp tín dụng, chi phí giao dịch, lỗ do chênh lệch tỷ giá và chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(m) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Công ty, công ty mẹ trực tiếp, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	1/1/2024
	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền gửi ngân hàng	4.701.798	1.709.356

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	31/12/2024	1/1/2024
	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Phân phối lợi nhuận phải thu từ HĐHTKD (a)	-	51.117.531
Phải thu ngắn hạn khác từ các công ty con	19.930.816	12.182.411
Phải thu ngắn hạn khác	55.000	55.000
	19.985.816	63.354.942

Phải thu dài hạn khác

Phải thu theo HĐHTKD với Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) – công ty con (b)	-	1.000.000.000
Phải thu theo HĐHTKD với Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”) – công ty con (c)	-	2.000.000.000
Phải thu lãi cho vay dài hạn	25.058.904	-
	25.058.904	3.000.000.000

- (a) Khoản này phản ánh các khoản phân phối lợi nhuận phải thu từ HĐHTKD dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh mà Công ty đã ký kết với công ty con của Công ty là NPM. Việc phân chia lợi nhuận theo các HĐHTKD được căn cứ theo tỷ lệ được quy định trong HĐHTKD và các phụ lục của HĐHTKD.
- (b) Khoản này phản ánh các khoản phải thu theo HĐHTKD với MTC ngày 16 tháng 11 năm 2018 và sau đó được sửa đổi nhiều lần, theo đó, Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ phát hành trái phiếu trị giá 1.000 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với MTC. Trong kỳ Công ty đã thực hiện tất toán HĐHTKD với MTC.
- (c) Khoản này phản ánh các khoản phải thu theo HĐHTKD với NPM ngày 21 tháng 9 năm 2018 và sau đó được sửa đổi nhiều lần, theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ phát hành trái phiếu trị giá lần lượt 1.000 tỷ VND, 500 tỷ VND và 500 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với NPM. Trong kỳ Công ty đã thực hiện tất toán HĐHTKD với NPM.

Khoản phải thu khác từ các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả theo các điều khoản của hợp đồng liên quan.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu về cho vay dài hạn

Phải thu về cho vay dài hạn thể hiện khoản cho một công ty con trong Tập đoàn vay, không được đảm bảo và hưởng lãi suất 11,55%/năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024	Từ 1/1/2023 đến 31/12/2023
	Nghìn VND	Nghìn VND
Số dư đầu kỳ	38.628.599	32.416.701
Tăng trong kỳ	-	6.211.898
Giảm xây dựng cơ bản dở dang	(39.578.435)	-
Biến động khác	949.836	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	-	38.628.599
	<hr/>	<hr/>

8. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Đầu tư vào một công ty con				
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	12.156.476.389	(*)	12.156.476.389	(*)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

MRTN là một công ty cổ phần đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại MRTN là 100% tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 100%).

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với trị ghi sổ.

9. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	1/1/2024
	Nghìn VND	Nghìn VND
Chi phí lãi vay phải trả	20.634.477	57.257.586
Chi phí phải trả khác	5.598.670	4.119.214
	<hr/>	<hr/>
	26.233.147	61.376.800
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải trả ngắn hạn khác

Phải trả ngắn hạn khác bao gồm các khoản sau:

	31/12/2024 Nghìn VND	1/1/2024 Nghìn VND
Phải trả cho Công ty TNHH Tâm nhìn Masan – công ty mẹ trực tiếp		
Phi thương mại	-	2.511.785
Phải trả cho Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo – công ty con		
Phi thương mại	24.495.060	24.495.060
	24.495.060	27.006.845

Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và được thanh toán dựa trên thỏa thuận của các bên.

11. Vay và trái phiếu

(a) Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn

	1/1/2024	Biến động trong kỳ		31/12/2024
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Tăng Nghìn VND	Giảm Nghìn VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ Nghìn VND
Vay ngắn hạn (*)	26.200.000	512.800.000	(526.200.000)	12.800.000
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 11(b))	1.500.000.000	-	(1.500.000.000)	-
	1.526.200.000	512.800.000	(2.026.200.000)	12.800.000

(*) Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ một công ty con, không được đảm bảo và chịu lãi suất 4,3%/năm.

(b) Trái phiếu phát hành dài hạn

	31/12/2024 Nghìn VND	1/1/2024 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn	1.500.000.000	3.000.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	(1.500.000.000)
	1.500.000.000	1.500.000.000

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn bằng VND như sau:

	Năm đáo hạn	31/12/2024 Nghìn VND	1/1/2024 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn			
▪ Phát hành trái phiếu có đảm bảo	2024	-	1.000.000.000
▪ Phát hành trái phiếu có đảm bảo	2024	-	500.000.000
▪ Phát hành trái phiếu có đảm bảo	2028	1.500.000.000	1.500.000.000
		1.500.000.000	3.000.000.000

Đây là trái phiếu không chuyển đổi do Công ty phát hành với lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng biên độ 5,1%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, trái phiếu không chuyển đổi bằng VND được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của một công ty con.

Đại diện của các trái chủ của số trái phiếu trên là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương – một công ty liên quan.

12. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần Nghìn VND	Thặng dư vốn cổ phần Nghìn VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư tại ngày 1/1/2023	10.991.554.200	1.098.259.892	68.532.037	12.158.346.129
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	359.021	359.021
Số dư tại ngày 1/1/2024	10.991.554.200	1.098.259.892	68.891.058	12.158.705.150
Lợi nhuận thuần trong kỳ			442.887	442.887
Số dư tại ngày 31/12/2024	10.991.554.200	1.098.259.892	69.333.945	12.159.148.037

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	Nghìn VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.099.155.420	10.991.554.200
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	1.099.155.420	10.991.554.200
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	1.099.155.420	10.991.554.200
Thặng dư vốn cổ phần	-	1.098.259.892

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu.

14. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2024	Từ 1/1/2023
	đến 31/12/2024	đến 31/12/2023
	Nghìn VND	Nghìn VND
Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	174.833.737	328.388.270
Thu nhập từ lãi tiền gửi và cho vay	70.600.825	22.696
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	130.321	80.460
	245.564.883	328.491.426

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 Nghìn VND	Từ 1/1/2023 đến 31/12/2023 Nghìn VND
Chi phí lãi vay	240.203.591	317.053.397
Chi phí đi vay	660.336	90.090
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	112.693	162.330
	240.976.620	317.305.817

16. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong kỳ Công ty có các số dư và giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

(a) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày và cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“TCB”) theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các công ty liên kết và công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất nắm giữ 1.500.000 triệu VND trái phiếu đã phát hành của Công ty (1/1/2024: 1.500.294 triệu VND).

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Từ 1/1/2024 đến 31/12/2024 Nghìn VND	Từ 1/1/2023 đến 31/12/2023 Nghìn VND
Công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Nhận tiền vay	500.000.000	-
	Trả tiền vay	500.000.000	-
	Chi phí lãi vay	87.671	-
	Mua dịch vụ	3.041.460	1.055.783
Các công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất			
TCB và các công ty con	Khoản trái phiếu phát hành	-	1.500.000.000
	Khoản trái phiếu đã trả	1.500.000.000	1.500.000.000
	Lãi trái phiếu (i)	6.774.715	10.858.017
Công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	Lãi trái phiếu (i)	154.684.932	28.748.432
Công ty mẹ			
Công ty TNHH Tầm nhìn Masan	Lãi trái phiếu (i)	-	6.163.496
Các công ty con			
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	125.598.568	206.616.503
	Trả hộ cho NPM	21.807.021	4.075.736
	Cho NPM vay	1.500.000.000	-
	Lãi cho vay	70.565.753	-
	Nhận tiền từ HĐHTKD	2.000.000.000	-
	Trả hộ bởi NPM	-	4.355.563
Công ty TNHH Vonfram Masan	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	49.235.169	121.771.767
	Nhận tiền vay	12.800.000	5.000.000
	Chi phí lãi vay	1.212.493	1.967.781
	Trả hộ cho MTC	22.633.730	3.770.084
	Trả tiền vay	26.200.000	-
	Nhận tiền từ HĐHTKD	1.000.000.000	-

(i) Trái phiếu đã được niêm yết và bán rộng rãi cho các nhà đầu tư theo các thỏa thuận giao dịch.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 24 tháng 1 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Nguyễn Huy Tuấn
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Ashley James McAleese
Tổng Giám đốc

